

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 368/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K13-SN09/2025

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K13-SN09/2025 (danh sách kèm theo) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đồng đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày **05/06** đến ngày **19/06/2025**;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: **15h00 Thứ tư ngày 04/06/2025**;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

- Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

- Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **05/06/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý

Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Đặng Huy Hồng

DANH SÁCH LAO ĐỘNG

THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K13-SN09/2025

(Kèm theo Công văn số 368/TTLĐNN-TCLĐ ngày 30/5/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50505923	Vi Viết Duy	12/09/1992	Nam	Bắc Giang	K13SN09-01
2	50506195	Nguyễn Trọng Sâm	06/03/1995	Nam	Bắc Giang	K13SN09-02
3	50306963	Trần Hữu Trường	28/10/2000	Nam	Bắc Giang	K13SN09-03
4	50306975	Nguyễn Khắc Mạnh	06/11/1996	Nam	Bắc Giang	K13SN09-04
5	50306978	Diêm Đăng Thái Dương	24/05/2005	Nam	Bắc Giang	K13SN09-05
6	50306984	Nguyễn Đức Hùy	13/08/2005	Nam	Bắc Giang	K13SN09-06
7	50306999	Trần Văn Phú	30/07/2001	Nam	Bắc Giang	K13SN09-07
8	50307003	Tổng Hoàng Linh	10/09/1997	Nam	Bắc Giang	K13SN09-08
9	50307016	Nguyễn Việt Anh	23/01/2001	Nam	Bắc Giang	K13SN09-09
10	50307039	Lục Văn Đào	24/04/1996	Nam	Bắc Giang	K13SN09-10
11	50307057	Hoàng Văn Thạch	02/02/1993	Nam	Bắc Giang	K13SN09-11
12	50307086	Nguyễn Văn Hưởng	28/10/2001	Nam	Bắc Giang	K13SN09-12
13	50307104	Tạ Văn Tân	12/02/2005	Nam	Bắc Giang	K13SN09-13
14	50307110	Lê Anh Tung	09/12/1990	Nam	Bắc Giang	K13SN09-14
15	50307129	Nguyễn Văn Huy	14/09/2004	Nam	Bắc Giang	K13SN09-15
16	50307655	Vũ Duy Hiếu	31/10/2002	Nam	Bắc Giang	K13SN09-16
17	50307716	Phạm Minh Đức	21/04/1991	Nam	Bắc Giang	K13SN09-17
18	50307790	Nguyễn Văn Tùng	18/09/1993	Nam	Bắc Giang	K13SN09-18
19	50307834	Đồng Bá Quang	16/05/2000	Nam	Bắc Giang	K13SN09-19
20	50307924	Nguyễn Như Xếp	20/11/2001	Nam	Bắc Giang	K13SN09-20
21	50304318	Hà Thị Huyền Trang	03/02/1997	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-21
22	50304335	Hà Vĩnh Uy	27/02/2004	Nam	Bắc Kạn	K13SN09-22
23	50304337	Ma Thị Yên	25/05/1990	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-23
24	50304372	Trần Thị Minh Thư	27/06/1999	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-24
25	50304399	Lý Văn Kiểm	02/04/1993	Nam	Bắc Kạn	K13SN09-25
26	50304408	Lý Thị Huân	09/02/2002	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-26
27	50304409	Mã Diệu Thu	17/10/1998	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-27
28	50304423	Hoàng Thị Mây	28/01/2004	Nữ	Bắc Kạn	K13SN09-28
29	50506889	Hoàng Thị Huyền	16/07/1990	Nữ	Bắc Ninh	K13SN09-29
30	50308541	Hoàng Văn Nguyên	18/04/1998	Nam	Bắc Ninh	K13SN09-30
31	50304108	Nguyễn Văn An	10/04/2004	Nam	Cao Bằng	K13SN09-31
32	50309477	Mong Thị Minh	20/09/2000	Nữ	Điện Biên	K13SN09-32
33	50309506	Tòng Thị Thảo	07/06/1998	Nữ	Điện Biên	K13SN09-33
34	50304035	Vàng Thị Thắm	13/01/2000	Nữ	Hà Giang	K13SN09-34
35	50303918	Nguyễn Đức Quyền	09/07/2003	Nam	Hà Nam	K13SN09-35
36	50303921	Trần Đức Thuận	27/02/1998	Nam	Hà Nam	K13SN09-36
37	50303977	Trịnh Văn Hùng	26/12/1992	Nam	Hà Nam	K13SN09-37
38	59090115	Đoàn Hồng Hải	16/08/1988	Nam	Hà Nam	K13SN09-38
39	50300649	Nguyễn Tiến Minh	16/07/2005	Nam	Hà Nội	K13SN09-39
40	50300856	Lê Duy Nghĩa	20/11/1999	Nam	Hà Nội	K13SN09-40
41	50301324	Lê Xuân Anh	06/02/2005	Nữ	Hà Nội	K13SN09-41

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
42	50302012	Nguyễn Đức An	15/05/2005	Nam	Hải Dương	K13SN09-42
43	50302042	Nguyễn Quang Hiếu	12/01/2004	Nam	Hải Dương	K13SN09-43
44	50302124	Nguyễn Văn Trường	31/08/1991	Nam	Hải Dương	K13SN09-44
45	50302126	Bùi Thị Mai Hoa	11/09/2005	Nữ	Hải Dương	K13SN09-45
46	50302143	Bùi Khắc Đạt	28/05/2003	Nam	Hải Dương	K13SN09-46
47	50302224	Nguyễn Hữu Hưng	13/08/1995	Nam	Hải Dương	K13SN09-47
48	50302375	Vũ Văn Dũng	11/11/2005	Nam	Hải Dương	K13SN09-48
49	50302462	Phạm Trường Sơn	10/07/1998	Nam	Hải Dương	K13SN09-49
50	50302509	Trần Văn Huy	22/11/1995	Nam	Hải Dương	K13SN09-50
51	50302540	Vũ Hải Tân	12/12/1984	Nam	Hải Dương	K13SN09-51
52	50302630	Nguyễn Văn Quý	24/05/1992	Nam	Hải Dương	K13SN09-52
53	50302707	Vũ Bá Đồi	30/11/1992	Nam	Hải Dương	K13SN09-53
54	50302731	Lê Thị Ngọc	02/01/2005	Nữ	Hải Dương	K13SN09-54
55	50302734	Đinh Hoàng Việt	26/06/2005	Nam	Hải Dương	K13SN09-55
56	50302854	Nguyễn Thị Phụng	20/03/2000	Nữ	Hải Dương	K13SN09-56
57	50309707	Nguyễn Thị Thanh Xuân	11/04/2005	Nữ	Hoà Bình	K13SN09-57
58	50309749	Tạ Anh Đức	12/05/1997	Nam	Hoà Bình	K13SN09-58
59	50309775	Quách Thị Kiều Trang	09/02/2003	Nữ	Hoà Bình	K13SN09-59
60	50309795	Nguyễn Thị Thanh Chúc	01/11/2004	Nữ	Hoà Bình	K13SN09-60
61	50309798	Bùi Thị Minh Phương	12/06/2002	Nữ	Hoà Bình	K13SN09-61
62	50303224	Lê Xuân Bình	07/10/1986	Nam	Hưng Yên	K13SN09-62
63	50303354	Đặng Huy Trường	19/12/2005	Nam	Hưng Yên	K13SN09-63
64	50309361	Lò Văn Hoàng	14/11/1994	Nam	Lai Châu	K13SN09-64
65	50370846	Lù Văn Hải	04/12/2000	Nam	Lai Châu	K13SN09-65
66	50304529	Dương Công Thành	26/07/1999	Nam	Lạng Sơn	K13SN09-66
67	50304538	Trần Thanh Huyền	09/08/2004	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-67
68	50304556	Hoàng Lệ Duyên	20/08/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-68
69	50304557	Trần Thị Ngọc Lan	04/04/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-69
70	50304561	Hứa Thị Lam Ngọc	10/03/2002	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-70
71	50304575	Nông Thuỳ Dương	04/11/2002	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-71
72	50304614	Hà Thị Anh Tú	06/12/2001	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-72
73	50304644	Lâm Văn Luật	01/10/2004	Nam	Lạng Sơn	K13SN09-73
74	50304683	Hoàng Thị Dịu	18/08/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-74
75	50304746	Dương Thị Liên	04/06/1989	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-75
76	50304832	Lục Thị Huệ	08/08/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-76
77	50304858	Trần Thị Thảo	19/03/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-77
78	50313113	Lý Thị Lan	17/04/2005	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-78
79	50313140	Trương Lan Anh	18/04/1990	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-79
80	50313163	Lành Ngọc Huyền	19/07/2004	Nữ	Lạng Sơn	K13SN09-80
81	50304214	Vù A Giăng	28/03/1988	Nam	Lào Cai	K13SN09-81
82	50304249	Lù Thị Oanh	27/12/2002	Nữ	Lào Cai	K13SN09-82
83	50305763	Nguyễn Đức Tài	04/11/2004	Nam	Phú Thọ	K13SN09-83
84	50305772	Nguyễn Mạnh Hiếu	16/09/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-84
85	50305774	Hoàng Thế Kỳ	09/11/1991	Nam	Phú Thọ	K13SN09-85

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
86	50305777	Nguyễn Hữu Đức Mạnh	16/10/2003	Nam	Phú Thọ	K13SN09-86
87	50305787	Phan Mạnh Trung	18/03/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-87
88	50305801	Nguyễn Quốc Huy	20/10/2001	Nam	Phú Thọ	K13SN09-88
89	50305802	Cao Xuân Lộc	27/10/2000	Nam	Phú Thọ	K13SN09-89
90	50305805	Đào Thái Cơ	11/10/2001	Nam	Phú Thọ	K13SN09-90
91	50305809	Đặng Ngọc Bình	01/11/1991	Nam	Phú Thọ	K13SN09-91
92	50305815	Hoàng Mạnh Hùng	16/04/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-92
93	50305816	Nguyễn Anh Kiên	23/05/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-93
94	50305836	Đinh Văn Thái	27/10/1990	Nam	Phú Thọ	K13SN09-94
95	50305859	Lý Minh Đức	03/02/1995	Nam	Phú Thọ	K13SN09-95
96	50305865	Mê Quang Trung	20/10/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-96
97	50305909	Đinh Mạnh Sơn	07/12/1989	Nam	Phú Thọ	K13SN09-97
98	50305917	Đỗ Quốc Khánh	09/12/2005	Nam	Phú Thọ	K13SN09-98
99	50305932	Hoàng Ngọc Minh	27/03/2003	Nam	Phú Thọ	K13SN09-99
100	50306059	Phạm Liên Thắng	24/11/2001	Nam	Phú Thọ	K13SN09-100
101	50306379	Tạ Trung Kiên	13/11/1995	Nam	Phú Thọ	K13SN09-101
102	50309067	Lê Thị Hường	23/05/1991	Nữ	Quảng Ninh	K13SN09-102
103	50309070	Nguyễn Văn Lam	29/01/1996	Nam	Quảng Ninh	K13SN09-103
104	50309106	Nguyễn Văn Vĩnh	04/01/1993	Nam	Quảng Ninh	K13SN09-104
105	50309208	Nguyễn Thành Hiếu	05/09/2005	Nam	Quảng Ninh	K13SN09-105
106	50309240	Lê Văn Quyết	26/08/2002	Nam	Quảng Ninh	K13SN09-106
107	50304963	Ma Thị Chang	29/11/1994	Nữ	Tuyên Quang	K13SN09-107
108	50304984	Nguyễn Thị Hường	08/01/2005	Nữ	Tuyên Quang	K13SN09-108
109	50304996	Châu Thị Mơ	27/07/1996	Nữ	Tuyên Quang	K13SN09-109
110	50305087	Trương Minh Thành	26/01/2001	Nam	Tuyên Quang	K13SN09-110
111	50504207	Vũ Thị Hồng Anh	22/03/1998	Nữ	Thái Nguyên	K13SN09-111
112	50305373	Triệu Sinh Tùng	04/06/1995	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-112
113	50305390	Triệu Văn Đạt	11/07/2005	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-113
114	50305413	Lê Đình Huỳnh	16/08/2005	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-114
115	50305421	Lâm Văn Đức	12/07/2000	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-115
116	50305433	Bùi Thế Dũng	08/10/1996	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-116
117	50305486	Trương Chí Công	26/06/2005	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-117
118	50305508	Phạm Ngọc Tuấn	14/08/1987	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-118
119	50305556	Bế Việt Hùng	12/10/1987	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-119
120	50305578	Đào Quang Linh	28/09/2003	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-120
121	50305649	Đỗ Đức Anh	03/08/2005	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-121
122	50305744	Lý Tài Khoa	19/11/2002	Nam	Thái Nguyên	K13SN09-122
123	50306562	Cao Thái Hồng	21/06/1993	Nam	Vĩnh Phúc	K13SN09-123
124	50306619	Khổng Trọng Hiệp	25/09/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K13SN09-124
125	50306706	Vũ Thị Ánh	14/09/2005	Nữ	Vĩnh Phúc	K13SN09-125
126	50306713	Trần Duy Phi Long	27/03/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K13SN09-126
127	50306831	Trần Thị Ngọc Lan	27/10/2004	Nữ	Vĩnh Phúc	K13SN09-127
128	50306842	Đặng Văn Định	04/03/2003	Nam	Vĩnh Phúc	K13SN09-128
129	50305217	Vũ Ngọc Hiền	24/05/1998	Nam	Yên Bái	K13SN09-129

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
130	50305224	Nguyễn Văn Soạn	14/08/2002	Nam	Yên Bái	K13SN09-130
131	50305228	Đỗ Duy Hiếu	01/07/2003	Nam	Yên Bái	K13SN09-131
132	50305308	Hoàng Thị Chấn	10/08/2000	Nữ	Yên Bái	K13SN09-132